

Số: 743 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh trung học phổ thông
năm học 2017 - 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 588/TTr-SGD&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2017 - 2018, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

*** Về kế hoạch tuyển sinh:**

A. Đăng ký dự tuyển đối với trường THPT không chuyên

1. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh

Là người học đã tốt nghiệp Trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên, có độ tuổi được



quy định theo Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển:** 11 trường (có phụ lục kèm theo).

- **Phương thức tổ chức xét tuyển:** 28 trường (có phụ lục kèm theo).

- **Tuyển thẳng:** Thực hiện theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

* **Riêng trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh:** Có kế hoạch tuyển sinh riêng.

3. Chế độ ưu tiên và khuyến khích

a. Chế độ ưu tiên

Người học có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn **ưu tiên cao nhất**.

* **Nhóm đối tượng 1:** (được hưởng 2,0 điểm).

- Con liệt sĩ.

- Con thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ từ 81% trở lên.

- Người học thuộc dân tộc rất ít người.

- Người học khuyết tật.

- Người học bị nhiễm chất độc màu da cam, con của người bị nhiễm chất độc màu da cam; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học.

* **Nhóm đối tượng 2:** (được hưởng 1,5 điểm).

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Con thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ dưới 81%.

*** Nhóm đối tượng 3: (được hưởng 1,0 điểm)**

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.
- Người học là dân tộc thiểu số.
- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức tuyển sinh) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135.

b. Chế độ Khuyến khích

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích với mức điểm như sau: (nếu người học đồng thời có nhiều loại giấy chứng nhận để được cộng điểm khuyến khích theo quy định tại các nhóm đối tượng 1,2,3 cũng chỉ được hưởng mức điểm cộng thêm nhiều nhất là 4,0 điểm).

- Đạt giải cá nhân trong kỳ thi chọn người học giỏi văn hóa vòng tỉnh, thi khoa học kỹ thuật dành cho người học trung học vòng tỉnh, thi giải toán trên máy tính cầm tay, các cuộc thi người học giỏi qua mạng:

+ Đạt giải trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: cộng 2,0 điểm.

+ Giải nhì cấp tỉnh: cộng 1,5 điểm.

+ Giải ba cấp tỉnh: cộng 1,0 điểm.

- Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hoá học, Sinh học); thi văn nghệ; thể dục thể thao; viết thư quốc tế do Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp trung học cơ sở:

+ Giải cá nhân:

• Đạt giải quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: Cộng 2,0 điểm;

• Giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: cộng 1,5 điểm;

• Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: cộng 1,0 điểm;

+ Giải đồng đội (bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cầu mây, điền kinh, tập ca, song ca...) quy định như sau:

- Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia.
- Số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội từ 02 đến 22 người theo quy định cụ thể của Ban tổ chức từng giải.
- Mức điểm khuyến khích được cộng cho các cá nhân trong giải đồng đội được thực hiện như đối với giải cá nhân quy định trên.
- Người học đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.
- Người học được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức ở cấp trung học cơ sở được cộng điểm khuyến khích căn cứ vào xếp loại ghi trong chứng nhận như sau:

- + Loại giỏi: cộng 1,5 điểm.
- + Loại khá: cộng 1,0 điểm.
- + Loại trung bình: cộng 0,5 điểm.

4. Công tác tổ chức tuyển sinh:

a. Kết hợp giữa thi và xét tuyển:

- **Môn thi:** Người học dự tuyển vào lớp 10 dự thi 03 môn: Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh kết hợp với kết quả học tập và rèn luyện ở 04 năm học THCS, cụ thể:

- + Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 2,0 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 1,75 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực khá: 1,5 điểm;
- + Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 1,25 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 1,0 điểm;
- + Các trường hợp còn lại: 0,75 điểm.

- **Hình thức thi:** Thi theo hình thức thi tự luận (đối với môn Ngữ Văn và Toán) + trắc nghiệm (đối với môn Tiếng Anh).

- **Thời gian làm bài thi:** 120 phút (đối với môn Ngữ Văn và Toán); 60 phút (đối với môn Tiếng Anh).

- **Hệ số điểm bài thi:** Hệ số 2 (đối với môn Ngữ Văn và Toán); hệ số 1 (đối với môn Tiếng Anh).

b. Xét tuyển:

Học sinh dự tuyển vào lớp 10 dựa vào kết quả học tập và rèn luyện ở 04 năm học THCS, cụ thể:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

B. Đăng ký dự tuyển đối với trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha

1. Đối tượng và địa bàn tuyển sinh:

Ngoài quy định về đối tượng, hồ sơ dự tuyển, điều kiện dự tuyển tại Mục 1, Phần A của Kế hoạch tuyển sinh THPT năm học 2017-2018, người học đăng ký dự tuyển vào trường chuyên còn phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ khá trở lên;
- Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

2. Phương thức tuyển sinh:

a. Nguyên tắc tuyển sinh:

- Người học được đăng kí dự thi nhiều nhất là 02 môn chuyên (môn chuyên 1, môn chuyên 2). Nếu không trúng tuyển ở môn chuyên 1, học sinh được tiếp tục xét ở môn chuyên 2.

- Mỗi người học dự thi 3 môn không chuyên, gồm: Toán không chuyên, Ngữ văn không chuyên, Tiếng Anh không chuyên và nhiều nhất 02 môn chuyên.

- Kỳ thi vào trường chuyên được tổ chức thi 04 buổi thi, gồm: Buổi 1: Ngữ văn không chuyên; Tiếng Anh không chuyên; Buổi 2: Toán không chuyên; Buổi 3: Ngữ văn chuyên, Toán chuyên; Buổi 4: Vật lí chuyên, Hóa học chuyên, Sinh học chuyên, Tiếng Anh chuyên.

b. Tổ chức tuyển sinh: 2 vòng

- **Vòng 1** (sơ tuyển): Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha tổ chức sơ tuyển đối với người học có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển theo quy định;

- **Vòng 2** (Thi tuyển) :

+ Thí sinh đạt ở vòng sơ tuyển phải tiếp tục dự thi các môn không chuyên (Ngữ văn không chuyên; Toán không chuyên, Tiếng Anh không chuyên) và nhiều nhất là 2 môn chuyên.

+ Môn thi: Thi viết, gồm: *Ngữ văn không chuyên (hệ số 1, 120 phút); Toán không chuyên (hệ số 1, 120 phút); Tiếng Anh không chuyên (hệ số 1, 60 phút); môn chuyên: Ngữ văn (150 phút), Toán (150 phút), Vật lí (150 phút), Hoá học (120 phút), Sinh học (150 phút), Tiếng Anh (150 phút, có phần nghe). Các môn chuyên được tính hệ số 2.*

c. Quy định trong việc xét tuyển:

- **Điểm xét tuyển:**

+ Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng số điểm các bài thi không chuyên, điểm bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số);

+ Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên (lớp nguồn) là tổng số điểm các bài thi môn không chuyên và môn chuyên (điểm các bài thi đều tính hệ số 1).

+ Nguyên tắc xét tuyển: Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

Thí sinh không trúng tuyển ở môn chuyên 1 được tiếp tục xét tuyển theo kết quả môn chuyên 2.

*** Về chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 của các trường THPT và các Trung tâm GDTX năm học 2017– 2018:**

- Số học sinh dự kiến tốt nghiệp THCS: **12.628** học sinh;

- Số học sinh tuyển vào lớp 10 THPT: **10.401** học sinh - tỉ lệ **82,4%**;
- Số học sinh tuyển vào lớp 10 các Trung tâm GDTX: **954** học sinh – tỉ lệ **7,6%**;
- **Tỷ lệ tuyển sinh toàn tỉnh: 11.355 học sinh- tỷ lệ 89,9%.**

(bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận : 

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Báo Tây Ninh, Đài PTTH tỉnh;
- PCVP H.Nam ; CVVX;
- Lưu VT VPUBND tỉnh.

(Phe duyệt KH và chỉ tiêu tuyển sinh nam học 2017-2018)Sang.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thanh Ngọc

**DANH SÁCH
CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM GDTX
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2017– 2018**
(Đính kèm theo Quyết định số 743 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017
của UBND tỉnh Tây Ninh)

I. Trường Trung học phổ thông tổ chức thi tuyển: Trường Trung học phổ thông chuyên Hoàng Lê Kha (thành phố Tây Ninh).

II. Các trường Trung học phổ thông tổ chức kết hợp thi tuyển và xét tuyển:

1. Trung học phổ thông Tây Ninh (thành phố Tây Ninh).
2. Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa (thành phố Tây Ninh).
3. Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt (Hòa Thành)
4. Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh (Hòa Thành)
5. Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ (Châu Thành).
6. Trung học phổ thông Tân Châu (Tân Châu).
7. Trung học phổ thông Trần Phú (Tân Biên).
8. Trung học phổ thông Dương Minh Châu (Dương Minh Châu).
9. Trung học phổ thông Quang Trung (Gò Dầu).
10. Trung học phổ thông Nguyễn Trãi (Trảng Bàng).
11. Trung học phổ thông Nguyễn Huệ (Bến Cầu).

III. Các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tổ chức xét tuyển:

1. Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Tây Ninh).
2. Trung học phổ thông Lê Quý Đôn (thành phố Tây Ninh)
3. Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực (Hòa Thành).
4. Trung học phổ thông Châu Thành (Châu Thành).

5. Trung học phổ thông Lê Hồng Phong (Châu Thành).
6. Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh (Tân Biên).
7. Trung học phổ thông Lương Thế Vinh (Tân Biên)
8. Trung học phổ thông Tân Hưng (Tân Châu).
9. Trung học phổ thông Tân Đông (Tân Châu).
10. Trung học phổ thông Lê Duẩn (Tân Châu).
11. Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu (Dương Minh Châu).
12. Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình (Dương Minh Châu).
13. Trung học phổ thông Ngô Gia Tự (Gò Dầu).
14. Trung học phổ thông Trần Quốc Đại (Gò Dầu).
15. Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi (Gò Dầu).
16. Trung học phổ thông Trảng Bàng (Trảng Bàng).
17. Trung học phổ thông Lộc Hưng (Trảng Bàng).
18. Trung học phổ thông Bình Thạnh (Trảng Bàng).
19. Trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng (Bến Cầu).
20. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Châu Thành;
21. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tân Châu;
22. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tân Biên;
23. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Dương Minh Châu;
24. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Gò Dầu;
25. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Trảng Bàng;
26. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Bến Cầu;
27. Trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố Tây Ninh;
28. Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Hòa Thành;

Tổng cộng danh sách: 40 trường, trung tâm.

Trong đó:

- **Thi tuyển : 01 trường;**
- **Kết hợp thi tuyển với xét tuyển: 11 trường;**
- **Xét tuyển: 28 trường, trung tâm.**

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CÁC TRƯỜNG THPT, TT GDTX
NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Kèm theo Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2017)

TT	Trường	Tuyển mới	Ghi chú
(a)	(1)	(2)	(3)
	Thành phố Tây Ninh	2.055	
1	THPT Trần Đại Nghĩa	445	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
2	THPT Lê Quý Đôn	435	Xét tuyển
3	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	335	Thi tuyển
4	THPT Tây Ninh	530	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
5	THPT Nguyễn Bình Khiêm	135	Xét tuyển
6	GDTX thành phố Tây Ninh	175	Xét tuyển
	Huyện Tân Biên	965	
1	THPT Trần Phú	438	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
2	THPT Nguyễn An Ninh	210	Xét tuyển
3	THPT Lương Thế Vinh	255	Xét tuyển
4	GDTX Tân Biên	62	Xét tuyển
	Huyện Tân Châu	1.258	
1	THPT Tân Hưng	310	Xét tuyển
2	THPT Tân Châu	390	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Lê Duẩn	260	Xét tuyển
4	THPT Tân Đông	210	Xét tuyển
5	GDTX Tân Châu	88	Xét tuyển
	Huyện Dương M Châu	995	
1	THPT Nguyễn Đình Chiểu	260	Xét tuyển
2	THPT Dương Minh Châu	305	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Nguyễn Thái Bình	350	Xét tuyển
4	GDTX Dương Minh Châu	80	Xét tuyển
	Huyện Châu Thành	1.091	
1	THPT Châu Thành	305	Xét tuyển
2	THPT Hoàng Văn Thụ	435	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Lê Hồng Phong	215	Xét tuyển
4	GDTX Châu Thành	136	Xét tuyển
	Huyện Hòa Thành	1.489	
1	THPT Nguyễn Trung Trực	350	Xét tuyển
2	THPT Nguyễn Chí Thanh	440	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	THPT Lý Thường Kiệt	534	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
4	GDTX Hoà Thành	165	Xét tuyển
	Huyện Gò Dầu	1.388	
1	THPT Trần Quốc Đại	305	Xét tuyển
2	THPT Ngô Gia Tự	295	Xét tuyển
3	THPT Nguyễn Văn Trỗi	260	Xét tuyển
4	THPT Quang Trung	395	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
5	GDTX Gò Dầu	133	Xét tuyển
	Huyện Bến Cầu	595	
1	THPT Huỳnh Thúc Kháng	215	Xét tuyển

TT	Trường	Tuyển mới	Ghi chú
(a)	(1)	(2)	(3)
2	THPT Nguyễn Huệ	345	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
3	GDTX Bến Cầu	35	Xét tuyển
	Huyện Trảng Bàng	1.519	
1	THPT Nguyễn Trãi	445	Kết hợp giữa thi và xét tuyển
2	THPT Lộc Hưng	345	Xét tuyển
3	THPT Bình Thạnh	299	Xét tuyển
4	THPT Trảng Bàng	350	Xét tuyển
5	GDTX Trảng Bàng	80	Xét tuyển
	Tổng cộng	11.355	
	Chia ra: - Khối GDTX	954	
	- Khối THPT	10.401	

Số trường đơn vị xét tuyển: 28 đơn vị

Số đơn vị kết hợp thi và xét tuyển 11 đơn vị

Trường Phổ thông DTNT "**tuyển sinh riêng**" và Trường chuyên Hoàng Lê Kha "**Thi tuyển**"